| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VŨ QUANG**<br>**TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày 06-4-2022
V/v: Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ QUANG, TỈNH HÀ TĨNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nghiêm Khắc Cẩn**

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: **Trương Thanh Hà**

2. Ông: **Phan Thúc Định**

***- Thư ký phiên tòa***: ông **Lê Song Hào** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*** Ông **Ngô Đức Việt** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị T
Địa chỉ: Khối 3, thị trấn Xuân A, huyện Nghi X, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).
- *Bị đơn:* Ông Lê Trọng S và bà Phan Thị N
Địa chỉ: Thôn Cẩm T, xã Đức G, huyện Vũ Q, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).
- *Người làm chứng* Ông Hoàng Tác C – Cán bộ địa chính xã Đức G, huyện Vũ Q, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Phan Xuân Kỷ và bà Đoàn Thị Thanh trình bày như sau:*

Năm 2008, ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị Th được thừa hưởng thửa đất do cha mẹ để lại ở thôn Cẩm T, xã Đức G, huyện Vũ Q, tỉnh Hà Tĩnh. Ngày 31/12/2013, ông K, bà T được Ủy ban nhân dân huyện Vũ Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BR 232798 đứng tên Phan Xuân K và Đoàn Thị T, cụ thể: Là thửa đất số 162, tờ bản

đồ số 33, diện tích 3416,0m$^2$; có từ cận phía Đông giáp đường Ân Phú Cửa Rào, phía Tây giáp ông Lê Trọng N, phía Bắc giáp đường Thôn, phía Nam giáp ông Lê Trọng S, bà Phan Thị N và bà Lê Thị C. Do hoàn cảnh gia đình ở huyện Nghi Xuân nên ông K và bà T không thường xuyên trực tiếp quản lý thửa đất của mình nói trên mà thỉnh thoảng mới về. Tháng 12/2020, hộ liền kề ông Lê Trọng S và bà Phan Thị N xây dựng hàng rào nhưng không thông báo cho ông K và bà T biết trước khi xây để thống nhất ranh giới. Do đó, ông K và bà T cho rằng hàng rào do ông S và bà N xây lấn sang thửa đất của ông K và bà T chiều ngang khoảng 2m và chiều dài khoảng 20m. Quá trình hòa giải tại UBND xã Đức G, tại  Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai lần 2 ngày 24/3/2021 và Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai lần 3 ngày 06/4/2021, hai bên đương sự nhất trí nhờ anh Hoàng Tác C là cán bộ địa chính xã thuê người của UBND huyện đo đạc, xác định ranh giới của hai thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, kết quả xác định ranh giới đất cho hai bên do người của UBND huyện đo thì ông K và bà T không đồng ý. Vì vậy, ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Trọng S và bà Phan Thị N trả lại diện tích đất lấn chiếm (khoảng 2m rộng và 20 m dài) và di dời toàn bộ hàng rào đã xây ra khỏi đất lấn chiếm của ông K và bà T. Ông K, bà T cho rằng theo hồ sơ giải phóng bồi thường làm đường Ân Phú Cửa Rào năm 2019, trong đó có trích lục sơ đồ bồi thường thì ranh thửa đất của ông K và bà T đến sát tường nhà ông S và bà N, toàn bộ hàng rào ông S, bà N xây trên đất của ông K và bà T.

*Bị đơn ông Lê Trọng S và bà Phan Thị N trình bày*:

Thửa đất của ông bà được UBND huyện Vũ Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BR 232632 ngày 30/12/2013, ông S và bà N đã xây dựng hàng rào theo đúng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, không lấn sang đất của ông K và bà T. Do đó, ông S và bà N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và bà T.

*Tại biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 10/3/2022 xác định*:

Thửa đất có tranh chấp tranh ranh giới giữa ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị T với ông Lê Trọng S và bà Phan Thị N ở thôn Cẩm T, xã Đức G, huyện Vũ Q, tỉnh Hà Tĩnh.

Thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông K và bà T là thửa đất số162, tờ bản đồ số 33, có diện tích 3416,0 m$^2$ được UBND huyện Vũ Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BR 232798 ngày 31/12/2013. Thửa đất có phía Đông giáp đường Ân Phú Cửa Rào, phía Nam giáp ông Lê Trọng S và bà Phan Thị N, phía Bắc giáp đường thôn, phía Tây giáp ông Lê Trọng N.

Thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông S và bà N là thửa đất số16, tờ bản đồ số 33, có diện tích 703,0 m$^2$ được UBND huyện Vũ Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BR 232632 ngày 30/12/2013. Thửa đất có phía Đông giáp đường Ân Phú Cửa Rào, phía Nam giáp ông Lê Trọng T, phía Bắc giáp ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị T, phía Tây giáp bà Lê Thị C.

Trên ranh giới đất tranh chấp có hàng rào do ông S và bà N xây, có tổng chiều dài 25,84m được chia làm hai đoạn: Đoạn 1 có chiều dài 17,12m xây bằng gạch táp lô, cao 1,5m trên móng đá hộc (cao 1,0m rộng 0,5m); đoạn 2 có chiều dài 8,72m xây bằng gạch táp lô, cao 1,2m trên móng đá hộc (cao 0,5m rộng 0,5m).

Toàn bộ hàng rào do ông S và bà N xây trên đều nằm trên thửa đất số 16, tờ bản đồ số 33 thuộc quyền sử dụng của ông S và bà N, cụ thể: Theo sơ đồ kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ xác định nét liền (——) từ điểm a đến điểm b là ranh giới giữa thửa đất số 16, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 162, tờ bản đồ số 33 trên thực địa được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai bên tranh chấp; nét đứt (-----) từ điểm a đến điểm b là hàng rào của ông S và bà N xây trên thực địa được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai bên tranh chấp.

Mặt khác, tại văn bản số 11/CV/CNHKVQ ngày 01/4/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Hương K- Vũ Q giải thích: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BR 232798 do UBND huyện Vũ Q cấp ngày 31/12/2013 có thể hiện sơ đồ thửa đất có 25 điểm góc đất và cạnh thửa. Trong khi đó theo Trích lục chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ giải phóng mặt bằng đo Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 21/8/2018 thể hiện sơ đồ thửa đất có 29 điểm góc đất và cạnh thửa. Lý do số điểm góc nhiều hơn là theo hồ sơ thiết kế GPMB đường Ân Phú – Cửa Rào thửa đất số 162 bị ảnh hưởng phải thu hồi 38,7m$^2$ nên ranh giới giải phóng mặt bằng đi qua thửa đất cắt các cạnh, góc tạo thành 4 điểm 9,12,14 và 16.Việc tăng số điểm góc, số cạnh thửa trên trích lục thửa đất phục vụ GPMB không ảnh hưởng, không làm thay đổi hình thể, chu vi và diện tích của thửa đất số 162, tờ bản đồ số 33 thuộc quyền sử dụng của ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị T.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khẳng lại là bị đơn xây hàng rào lấn sang đất của nguyên đơn chiều ngang đúng 1,8m (theo đơn khởi kiện là khoảng 2m), chiều dọc 20m và yêu cầu bị đơn di dời hàng rào và trả lại đúng diện tích đã lấn. Đồng thời nguyên đơn còn cung cấp cho Tòa án bản giấy viết tay và trình bày: Vào thời điểm đền bù làm đường vào năm 2019, ranh giới đất của nguyên đơn được chỉ đến sát tường nhà ông Sơn và bà Nga; khi dọn dẹp để xây hàng rào thì nguyên đơn nói ông S đã dọn dẹp sang đất nguyên đơn thì bà N (vợ ông S) nói trước đây anh trai của nguyên đơn mượn ông S và bà N 03 chỉ vàng chưa trả nên giờ lấy đất trừ, sau đó thì ông S và bà N lại nói xin nguyên đơn 0,6m đất; vào tháng 10/2021, nguyên đơn nghe nói có cán bộ đến đo đạc lại đất cho ông S và bà N nhưng không có mặt nguyên đơn; khi hòa giải tranh chấp tại xã thì lãnh đạo xã, tư pháp và địa chính có nói là nguyên đơn cho hoặc bán cho ông S và bà N phần đất đã xây hàng rào và địa chính xã còn nói thêm nếu nguyên đơn bán hoặc cho thì phải báo lại để điều chỉnh bìa đất cho phù hợp. Do đó, nguyên đơn cho rằng kết quả xem xét, thẩm định tại chổ ngày 10/3/2022 của Tòa án là không đúng và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xem xét, thẩm định lại.

Còn bị đơn cho rằng từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay, bị đơn cũng chưa biết rõ ranh giới đất của mình đến đâu do trước đó chưa có hàng rào cũng như chưa được cơ quan có thẩm quyền đo xác định ranh giới cắm mốc. Do đó, khi xây dựng hàng rào vào tháng 12/2020, bị đơn chỉ nhìn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đo áng chừng rồi xây. Vì vậy, khi nghe ông K, bà T nói xây sang đất của ông K, bà T thì bị đơn cũng không biết rõ là có lấn sang hay không nên nói nếu có xây sang thì xin ông K, bà T 0,6m cho hòa thuận và không có chuyện bà N nói lấy đất trừ nợ 03 chỉ vàng. Sau đó, ông K, bà T cho rằng bị đơn xây hàng rào lấn sang nhiều hơn nên ông K, bà T yêu cầu xóm, xã giải quyết. Quá trình giải quyết bị đơn có nói nếu có lỡ xây lấn sang đất ông K, bà T thì xin ông K, bà T cho, nếu không cho thì bán lại cho bị đơn nhưng ông K, bà T không nhất trí. Sau đó, ông K và bà T với bị đơn đồng ý nhờ cán bộ địa chính xã thuê người của huyện về đo để xác định ranh giới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai bên. Kết quả đo cho thấy bị đơn xây hàng rào không lấn sang đất ông K, bà T nên ông K, bà T không chấp nhận kết quả đo. Việc ông K, bà T nói rằng tháng 10/2021, có cán bộ về đo lại đất cho nhà bị đơn không có mặt ông K, bà T thì bị đơn không biết việc đó.Vì vậy, ông S và bà N khẳng định hàng rào xây trên đất thuộc quyền sử dụng của mình nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và bà T. Ngoài ra bị đơn còn yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường danh dự và tiền công nhân làm gián đoạn quá trình xây hàng rào.

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng quá trình thụ lý vụ án đến nay, Tòa án tuân thủ đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật tố tụng, còn bị đơn chưa chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiến xem xét, thẩm định tại chổ lại, vì việc tiến hành xem xét, thẩm định tại chổ đã được Tòa án tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khẳng định lại là bị đơn xây hàng rào lấn sang đất của nguyên đơn chiều ngang đúng 1,8m (theo đơn khởi kiện là khoảng 2m), vì không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường danh dự và tiền công nhân làm gián đoạn quá trình xây hàng rào, vì yêu cầu đưa ra sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

- Áp dụng các điều 91 và 108 của BLTTDS; Điều 174, 175, 176 Bộ luật dân sự; Khoản 1, Khoản 16 Điều 3, Điều 166, 203 Luật Đất đai xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị N.

- Về chi phí tố tụng: Áp dụng các điều 157, 165, 166 BLTTDS buộc ông K, bà T nộp 2.200.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chổ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp 3.000.000 đồng và số tiền còn thừa đã trả lại cho ông K và bà T.

- Về án phí: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; Khoản 1, Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc Phan Xuân K và bà Đoàn Thị T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, lời trình bày của đương sự, người làm chứng và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu buộc ông Lê Trọng S và bà Phan Thị N trả lại phần đất xây hàng rào lấn và di dời toàn bộ hàng rào ra khỏi đất lấn chiếm của ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị T là quan hệ pháp luật "Tranh chấp đất đai" theo quy định tại Khoản 9 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Q theo điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

[2] Xét yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chổ lại của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy việc xem xét, thẩm định tại chổ đã được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và kết quả của việc xem xét, thẩm định tại chổ là công minh, khách quan nên không chấp nhận.

[3] Xét việc thay đổi một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc ông S, bà N trả lại phần đất lấn là 1,8m chiều ngang so với yêu cầu ban đầu là khoảng 02m đất chiều ngang, Hội đồng xét xử thấy không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 BLTTDS nên được chấp nhận xem xét.

[4] Xét yêu cầu của bị đơn về yêu cầu nguyên đơn bồi thường danh dự và tiền công nhân làm gián đoạn quá trình xây hàng rào là yêu cầu phản tố. Do yêu cầu phản tố của bị đơn đưa ra sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 3 Điều 200 và Khoản 1 Điều 244 BLTTDS, Hội đồng xét xử không chấp nhận xem xét. Bị đơn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác đối với yêu cầu phản tố nói trên.

[5] Xét yêu cầu ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị T, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình xem xét, thẩm định tại chổ ngày 10/3/2022, Hội đồng xem xét thẩm định tại chổ xác định ranh giới của thửa đất tranh chấp giữa các đương sự trên thực địa theo sơ đồ thửa đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên thấy như sau:

Thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông K và bà T là thửa đất số162, tờ bản đồ số 33, có diện tích 3416,0 $m^2$ được UBND huyện Vũ Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BR 232798 ngày 31/12/2013, có phía Nam giáp ông Lê Trọng S và bà Phan Thị N dài 26,47 m. Còn thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông S và bà N là thửa đất số16, tờ bản đồ số 33, có diện tích 703,0 $m^2$ được UBND huyện Vũ Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất BR 232632 ngày 30/12/2013, có phía Bắc giáp ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị T. Toàn bộ hàng rào do ông S và bà N xây trên thực địa được thể hiện là nét đứt ( ----- ) từ điểm a đến điểm b trong sơ đồ kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; ranh giới quyền sử dụng đất của các bên đương sự trên thực địa được thể hiện là nét liền ( —— ) từ điểm a đến điểm b trong sơ đồ kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cho thấy toàn bộ hành rào của ông S và bà N xây trên thực địa đều nằm trên thửa đất số 16, tờ bản đồ số 33 thuộc quyền sử dụng của ông S và bà N mà không lấn sang thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị T. Mặt khác, tại Trích lục chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ giải phóng mặt bằng do Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 21/8/2018 trong hồ sơ bồi thường cho ông K và bà T năm 2019 có thể hiện thêm 4 điểm góc, cạnh 9, 12, 14 và 16 so với sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BR 232798 do UBND huyện Vũ Q cấp ngày 31/12/2013. Việc thể hiện thêm các điểm góc, cạnh trên là để phục vụ cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng nhưng không làm thay đổi đến hình thể, chu vi và diện tích của thửa đất số 162, tờ bản đồ số 33 thuộc quyền sử dụng của ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị T.

[6] Xét lời trình bày của nguyên đơn cho rằng: Tại thời điểm đền bù làm đường vào năm 2019, ranh giới đất của nguyên đơn được chỉ đến sát tường nhà ông S và bà N; khi dọn dẹp để xây hàng rào thì nguyên đơn nói đã dọn dẹp sang đất nguyên đơn thì bà N (vợ ông S) nói trước đây anh trai của nguyên đơn mượn ông S và bà N 03 chỉ vàng chưa trả nên giờ lấy đất trừ, sau đó thì ông S và bà N lại nói xin nguyên đơn 0,6m; vào tháng 10/2021, nguyên đơn nghe nói có cán bộ đến đo đạc lại đất cho ông S và bà N nhưng không có mặt nguyên đơn; khi hòa giải tranh chấp tại xã thì lãnh đạo xã, tư pháp và địa chính có nói là nguyên đơn cho hoặc bán cho ông S và bà N phần đất đã lỡ xây hàng rào và địa chính xã còn nói thêm nếu nguyên đơn bán hoặc cho thì phải báo lại để điều chỉnh bìa đất cho phù hợp thì Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ, Bởi vì: Nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh lời trình bày, trước đây ranh giới đất giữa hai bên chưa có hàng rào cũng như không có chứng cứ cho thấy cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã xác định ranh giới và cắm mộc ranh giới cho hai thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên. Mặt khác, qua làm việc với anh Hoàng Tác C (cán bộ địa chính xã Đức G) cho biết là quá trình hòa giải anh C có nói là nếu bị đơn có lỡ xây sang đất của nguyên đơn mà được nguyên đơn bán hoặc cho thì phải báo lại để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứ nội dung nguyên đơn phản ánh là không chính xác, không đúng sự thật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[7] Về chi phí tố tụng: Tòa án căn cứ vào 101, 104, 157, 158, 164, 165, 166 BLTTDS đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo đơn yêu cầu của nguyên đơn, chi phí hết 2.200.000đ (hai triệu hai trăm đồng). Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng nói trên nhưng được khấu trừ vào tạm ứng chi phí tố tụng nguyên đơn đã nộp 3.000.000 đồng, số tiền còn lại 800.000 đồng đã được trả lại cho nguyên đơn.

[8] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- *Về yêu cầu của nguyên đơn:* Áp dụng các Điều 6, 26, 35, 39, 48, 49, 63, 91, 92, và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 174, 175 và 176 Bộ Luật dân sự; Khoản 1 và Khoản 16 Điều 3, Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị T về việc yêu cầu ông Lê Trọng S và bà Phan Thị N trả lại phần đất lấn chiếm (1,8m chiều ngang, 20m chiều dài) và di dời toàn bộ hàng rào đã xây ra khỏi phần đất trên.

- *Về án phí:* Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; Khoản 1, Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc ông Phan Xuân K và bà Đoàn Thị T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tại biên lai số 0003504 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Q.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
-Tòa án tỉnh Hà Tĩnh;
- VKS huyện VQ;
- VKS tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nghiêm Khắc Cẩn**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thành viên Hội đồng xét xử** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

**Phan Thúc Định** **Trương Thanh Hà** **Nghiêm Khắc Cẩn**